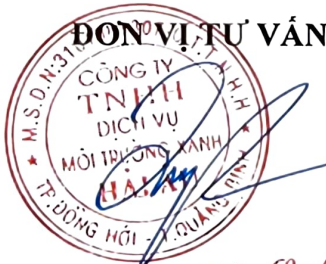


CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRƯỜNG THÀNH

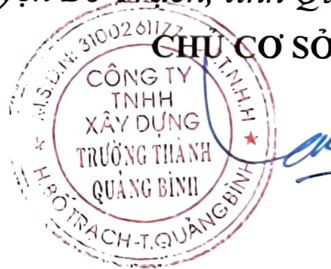
-----\*\*\*\*\*-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CỦA CƠ SỞ NHÀ MÁY GẠCH KHÔNG NUNG  
CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRƯỜNG  
THÀNH**

*Địa điểm thực hiện: Xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình*



*Hoàng Thị Lệ Duyên*



*Nguyễn Văn Thành*

**Quảng Bình, tháng      năm 2023**

## MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG .....	iii
DANH MỤC HÌNH .....	iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT .....	iv
MỞ ĐẦU .....	1
Chương I.....	2
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	2
1. Tên chủ cơ sở .....	2
2. Tên cơ sở .....	2
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở .....	3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở .....	3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	3
3.3. Sản phẩm của cơ sở .....	7
4. Nguồn nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	7
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở .....	8
5.1. Vị trí địa lý.....	8
5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	8
5.4. Tổng vốn đầu tư.....	9
5.5. Tiến độ thực hiện .....	9
Chương II.....	10
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	10
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	10
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	10
Chương III .....	11
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	11
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải .....	11
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	11
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	11
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	13
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường .....	15
3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt .....	15

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....	16
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại .....	16
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....	16
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	17
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:.....	17
6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động.....	17
6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn giao thông .....	17
Chương IV .....	19
<b>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>19</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	19
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	19
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	20
Chương V .....	21
<b>KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>21</b>
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	21
2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải.....	21
3. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước dưới đất .....	22
Chương VI.....	24
<b>CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>24</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải .....	24
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ theo quy định của pháp luật .....	24
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	24
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải .....	24
Chương VII.....	25
<b>KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....</b>	<b>25</b>
Chương VIII .....	26
<b>CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....</b>	<b>26</b>
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO .....</b>	<b>27</b>

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên liệu cho sản xuất.....	7
Bảng 3.1. Thành phần, khối lượng CTNH phát sinh.....	16
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải ....	19
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn ô nhiễm của tiếng ồn và độ rung .....	20
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc định kỳ môi trường không khí xung quanh .....	21
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc định kỳ nước dưới đất.....	22

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình công nghệ công đoạn phối liệu .....	4
Hình 1.2. Quy trình công nghệ công đoạn tạo hình và sản phẩm .....	5
Hình 1.3. Một số hình ảnh sản xuất thực tế của cơ sở.....	6
Hình 1.4. Hình ảnh sản phẩm của cơ sở.....	7
Hình 1.5. Vị trí địa lý cơ sở.....	8
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước mưa .....	11
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải .....	12
Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại.....	12
Hình 3.4. Quy trình xử lý bụi, khí thải từ silo xi măng.....	14
Hình 3.5. Cấu tạo hệ thống lọc bụi túi vải.....	14

**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

CTR	:	Chất thải rắn
CTNH	:	Chất thải nguy hại
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BTCT	:	Bê tông cốt thép
ĐTM	:	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
HTXL	:	Hệ thống xử lý
GP	:	Giấy phép
QĐ	:	Quyết định
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
NVL	:	Nguyên vật liệu
UBND	:	Ủy ban nhân dân
XLNT	:	Xử lý nước thải

## MỞ ĐẦU

Dự án Nhà máy gạch không nung của Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành được UBND tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 29121000254 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, chứng nhận lần đầu ngày 08/07/2014. Được UBND tỉnh Quảng Bình ra Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/09/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy gạch không nung của Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành

Cơ sở đi vào hoạt động từ năm 2017 với hoạt động sản xuất gạch không nung thân thiện với môi trường. Hiện cơ sở cũng đã hoàn thiện các hạng mục công trình chính cũng như các công trình bảo vệ môi trường.

Theo Luật Đầu tư công dự án thuộc nhóm C (Phân loại theo Khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công – Dự án công nghiệp có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng, cụ thể là 20,9 tỷ đồng).

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường 2020 Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở Nhà máy gạch không nung của Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành theo hướng dẫn tại Phụ lục XII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình xem xét phê duyệt.

## Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

### 1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: **Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành**
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 8, xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Điện thoại: 02323 386 2384
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thạnh;
- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 3100261177 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 19/03/2002, thay đổi lần thứ 6 ngày 05/11/2018.

- Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 29121000254 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, chứng nhận lần đầu ngày 08/07/2014.

Đơn vị tư vấn phối hợp lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường xanh Hải Âu

+ Địa chỉ: Số 102 đường Tôn Thất Tùng, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

+ Đại diện: Bà Hoàng Thị Lệ Quyên

Chức vụ: Giám đốc

+ Điện thoại: 0989 179 777

### 2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **Nhà máy gạch không nung**
- Địa điểm cơ sở: Thôn 8, xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
- Các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:
  - + Quyết định số 1001/QĐ-CT ngày 26/04/2014 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đất xây dựng nhà máy sản xuất gạch không nung của Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành Quảng Bình;
  - + Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/09/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy gạch không nung của Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành.
- Quy mô của cơ sở: nhóm C (Phân loại theo Khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công – Dự án công nghiệp có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng, cụ thể là 20,9 tỷ đồng).

+ Dự án thuộc loại hình dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu tới môi trường (Mục số 2, phụ lục V, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022). Dự án đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09 tháng 09 năm 2014. Theo Khoản 3 Điều

41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án thuộc đối tượng cần đề xuất cấp Giấy phép môi trường, thẩm quyền phê duyệt là UBND tỉnh Quảng Bình.

+ Dự án đã hoạt động từ năm 2015 nên Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường trình bày theo hướng dẫn tại Phụ lục XII (Mẫu Báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III), Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

#### **3.1. Công suất hoạt động của cơ sở**

Tổng công suất: 22,5 triệu sản phẩm QTC/năm..

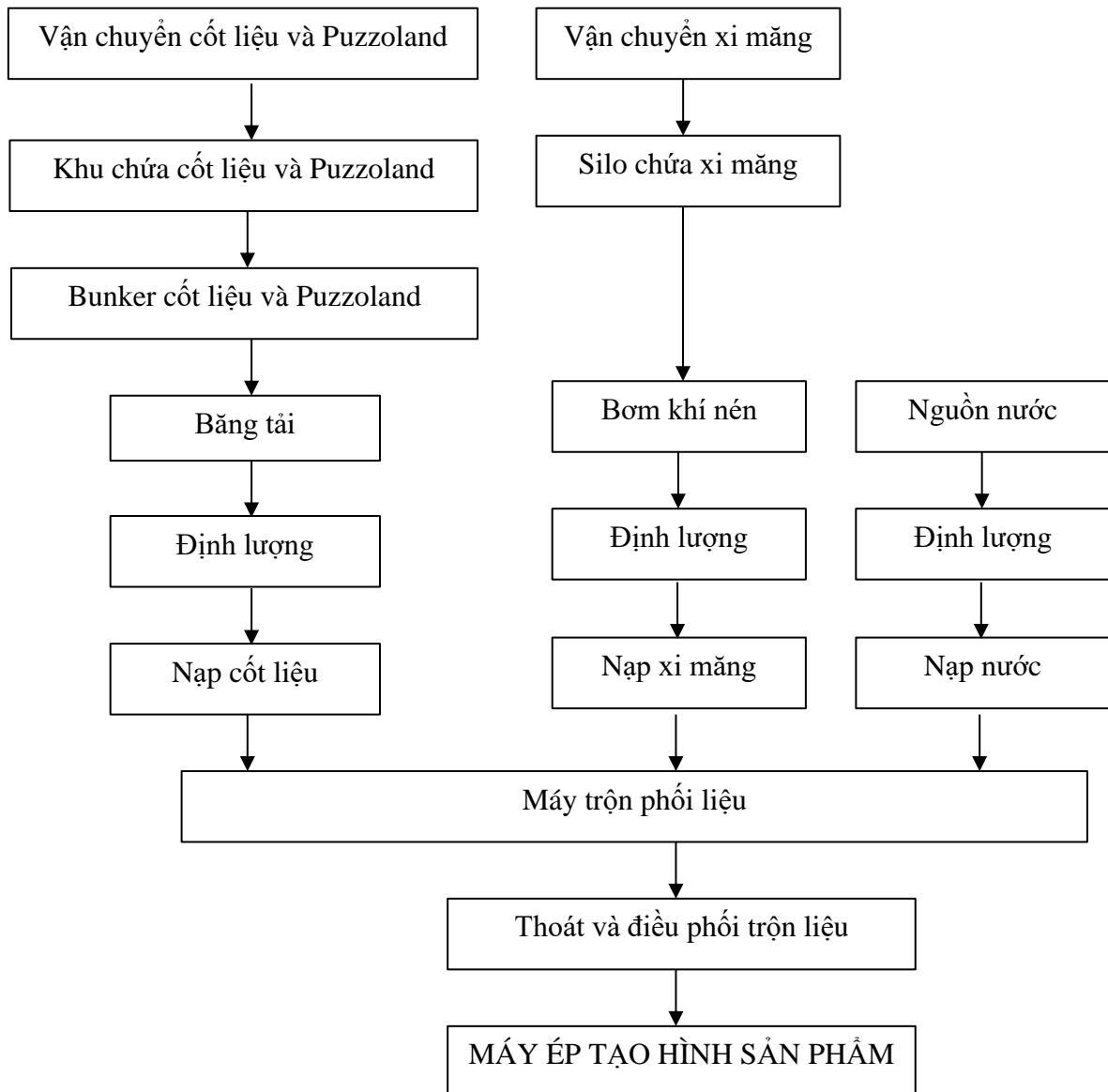
#### **3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

Gạch không nung xi măng cốt liệu (XMCL) là một phát minh xanh trong lĩnh vực xây dựng nhằm thay thế công nghệ truyền thống lạc hậu để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Nguyên liệu chính bao gồm xi măng, đá mạt và nước.

Đây là một công nghệ thân thiện với môi trường, sản phẩm gạch không nung, gạch không nung XMCL sẽ có những ưu điểm vượt trội so với gạch nung như sau:

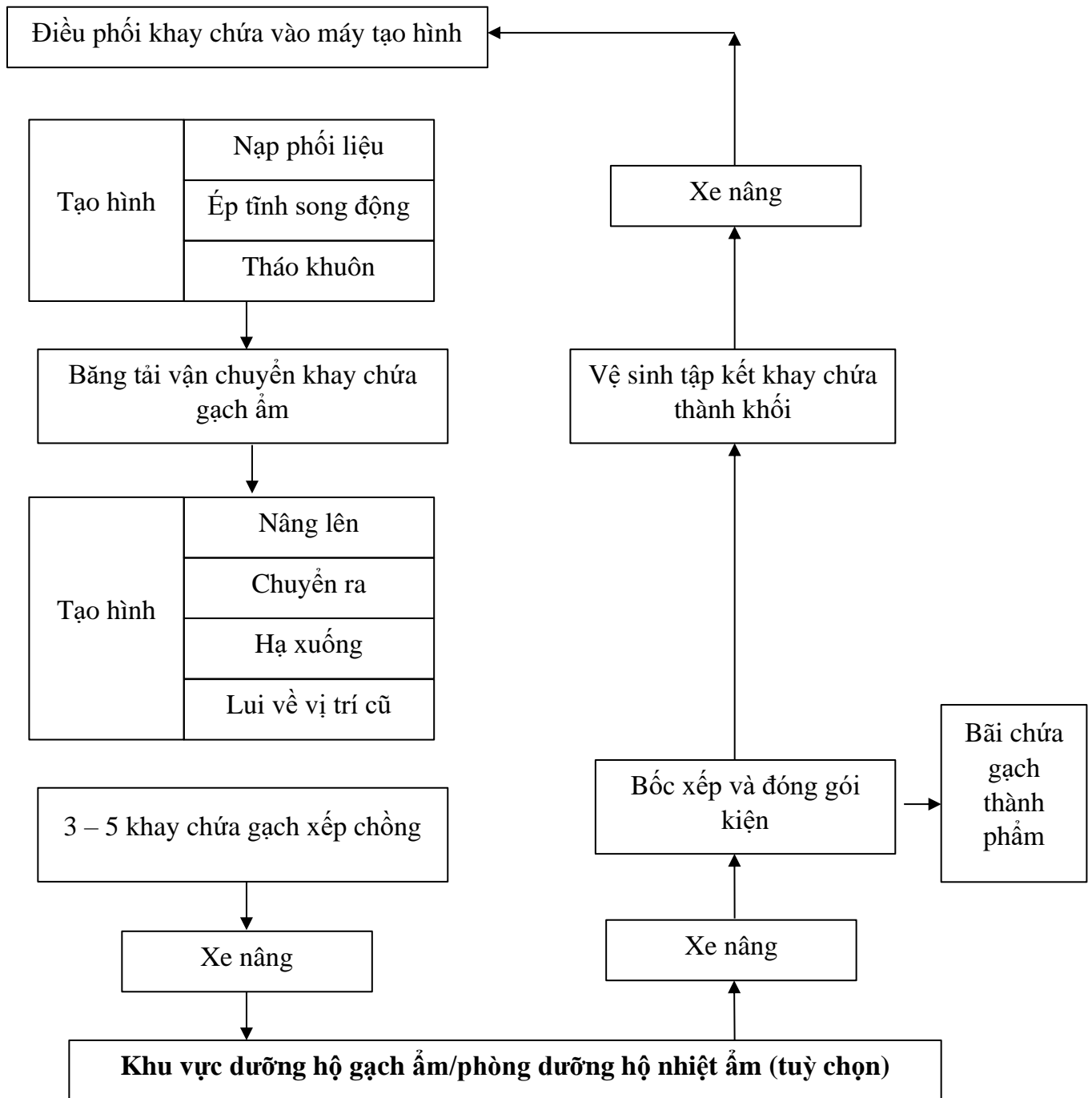
- + Không sử dụng đất sét ruộng mà sử dụng xi măng, mạt đá.
- + Giảm thiểu tổn năng lượng 70 – 80% so với sản xuất gạch đất sét nung, gạch không nung XMCL không đốt than củi, không thải khí CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, không gây ô nhiễm môi trường.
- + Sản phẩm có kích thước tùy theo yêu cầu thiết kế, kích thước đồng đều, chính xác, vận chuyển thuận tiện, giúp người thợ xây nhanh, năng suất lao động tăng từ 3 – 6 lần so với gạch đất sét nung.
- + Chất lượng sản phẩm tốt, cường độ kháng nén cao, chịu đựng tốt với các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.
- + Tính năng cách âm, cách nhiệt, chống thấm cao. Vào mùa hè giảm truyền nhiệt từ bên ngoài vào, mùa đông giảm mất nhiệt, góp phần tạo cho căn phòng mát vào mùa hè, ấm vào mùa đông, tiết kiệm năng lượng.
- + Gạch không nung XMCL là vật liệu xây dựng các công trình xanh, thân thiện môi trường sinh thái, là xu hướng tất yếu của ngành công nghiệp xây dựng Việt Nam hiện đại, bền vững.

➤ Quy trình công nghệ công đoạn phối trộn liệu:



Hình 1.1. Quy trình công nghệ công đoạn phối liệu

➤ Quy trình công nghệ công đoạn tạo hình và sản phẩm



Hình 1.2. Quy trình công nghệ công đoạn tạo hình và sản phẩm



**Hình 1.3. Một số hình ảnh sản xuất thực tế của cơ sở**

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở: Gạch không nung kích thước theo yêu cầu của khách hàng.



Hình 1.4. Hình ảnh sản phẩm của cơ sở

## 4. Nhu yếu liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

### 4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của cơ sở

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên liệu cho sản xuất

STT	Nguyên, nhiên liệu	Định mức KTKT	Số lượng(năm)
1	Xi măng	0,286 kg/viên	715 tấn/năm
2	Đá bột + Đá mặt	2,051 kg/viên	5.127 tấn/năm
3	Cát	0,26kg/viên	650 tấn/năm
4	Điện	0,035kWh/viên	90.000kWh/năm
5	Dầu Diesel	8 lít/ngày	2.700 lít/năm
6	Nước	-	3.000m <sup>3</sup> /năm

(Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành)

### 4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước

- Nhu cầu sử dụng điện:

+ Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở khoảng 90.000 kWh/năm.

+ Nguồn cung cấp điện: Điện sử dụng được lấy từ trạm biến áp 350KVA đã được xây dựng tại cơ sở.

- Nhu cầu sử dụng nước:

- + Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở khoảng 3.000m<sup>3</sup>/năm.
- + Nguồn cung cấp nước: Nước giếng khoan.

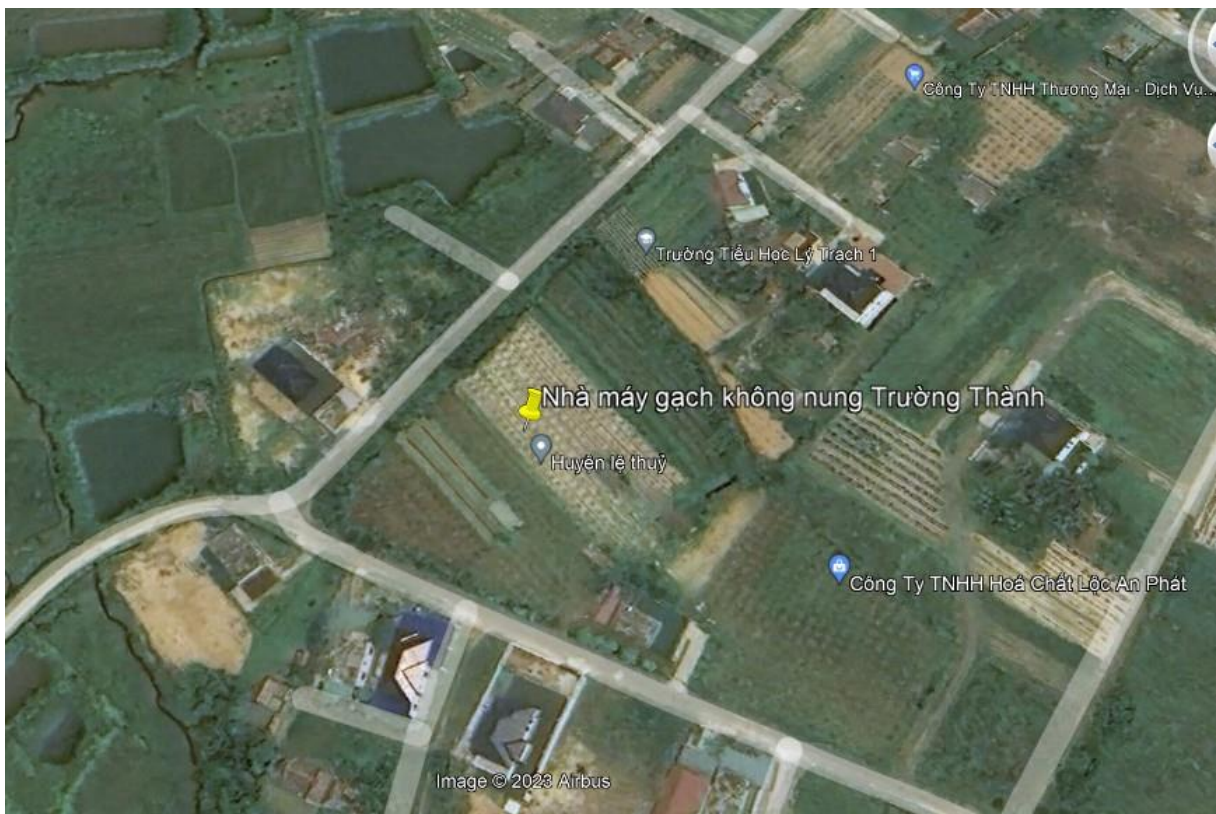
## 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

### 5.1. Vị trí địa lý

Cơ sở đang thực hiện sản xuất tại lô đất diện tích 10.000m<sup>2</sup> thuộc xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Ranh giới tiếp giáp của dự án như sau:

- + Phía Nam giáp đường giao thông;
- + Phía Bắc giáp rừng trồng sản xuất;
- + Phía Đông giáp rừng trồng sản xuất, cách đường giao thông 10m;
- + Phía Tây tiếp giáp rừng trồng sản xuất.



**Hình 1.5. Vị trí địa lý cơ sở**

### 5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở

Tổng diện tích đất của cơ sở là 10.000m<sup>2</sup>. Cụ thể các hạng mục công trình của cơ sở đã xây dựng hoàn thiện như sau: nhà xưởng sản xuất 1.500m<sup>2</sup>, nhà điều hành 540m<sup>2</sup>, nhà bếp 115m<sup>2</sup>, bãi chứa thành phẩm 1.130m<sup>2</sup>, bãi tập kết sản phẩm sơ chế 1.130m<sup>2</sup>, bãi chứa nguyên liệu đầu vào 1.365m<sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ khác như bể nước, nhà vệ sinh, sân vườn, cây xanh, ...

#### **5.4. Tổng vốn đầu tư**

Tổng vốn đầu tư: 20,094 tỷ đồng VNĐ (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ không trăm chín mươi tư triệu đồng chẵn*) trong đó:

+ Vốn doanh nghiệp là 7,094 tỷ (*Bằng chữ: Bảy tỷ không trăm chín mươi tư triệu đồng chẵn*)

+ Vốn vay: 13 tỷ VNĐ (*Bằng chữ: Mười ba tỷ đồng chẵn*).

#### **5.5. Tiến độ thực hiện**

- Đã xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình và bắt đầu hoạt động từ năm 2017.

## Chương II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở hoạt động phù hợp với:

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

- Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Việc thực hiện Dự án Nhà máy gạch không nung của Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Bình nói riêng và cả nước nói chung.

#### 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nước thải sinh hoạt phát sinh ít được xử lý qua bể tự hoại ba ngăn và tự thấm vào đất, lượng phát sinh hầu như không đáng kể ( $0,8\text{m}^3/\text{ngày}$ ) do đó không tác động tới khả năng chịu tải của môi trường

Nước thải sản xuất tuần hoàn tái sử dụng không phát thải ra ngoài môi trường do đó cũng không ảnh hưởng tới khả năng chịu tải của môi trường.

Bụi từ silo nguyên liệu được xử lý bằng thiết bị lọc bụi túi vải, đảm bảo xử lý đạt QCVN 19:2010/BTNMT do đó không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường.

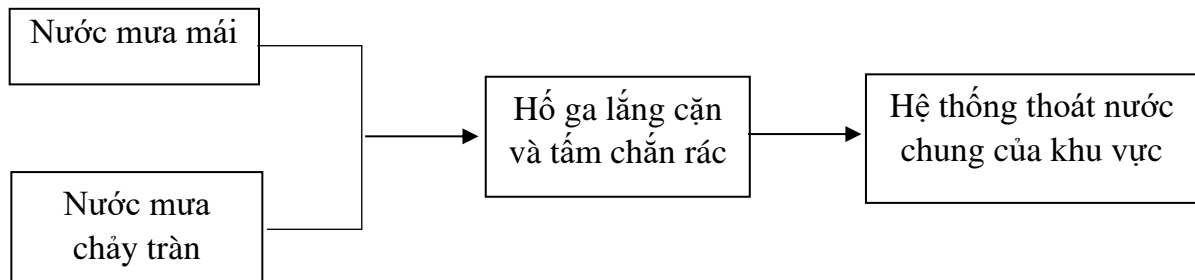
### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa xung quanh nhà máy, nhà quản lý vận hành được thu gom theo đường thoát riêng với hệ thống thoát nước thải. Sơ đồ thu gom như sau:



**Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước mưa**

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa bao gồm 01 hệ thống thu nước mưa mái và 01 hệ thống thoát nước mưa bề mặt:

- Hệ thống thu nước mưa mái: Nước mưa mái được thu gom qua hệ thống máng thu nước kích thước rộng x cao 200 x 200 mm và dẫn qua đường ống bằng nhựa uPVC D110 bố trí dọc các nhà xưởng xuống hệ thống thu gom nước mưa bề mặt.

- Hệ thống thoát nước mưa bề mặt được xây dựng 02 loại rãnh

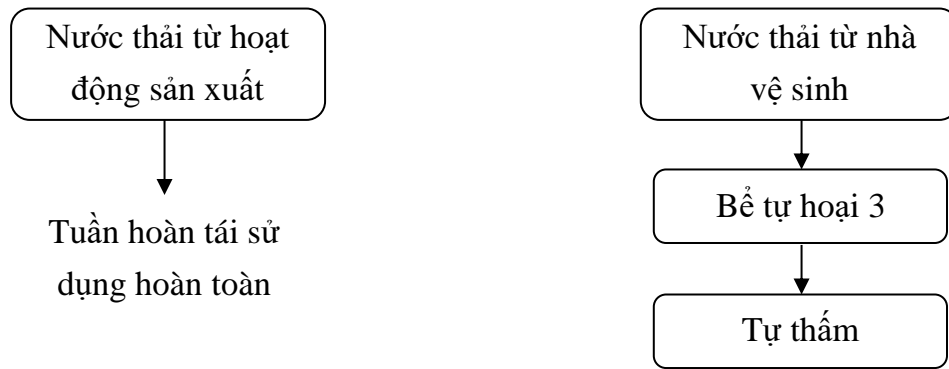
- + Rãnh R1 bao quanh khuôn viên khu vực nhà máy, xây gạch dày 150mm, mặt trong láng VXM75# dày 2cm, cứ 20m bố trí 01 khe lún 2 giấy dầu 3 nhựa đường chiều dài R1 = 392m.

- + Rãnh R2 dọc theo đoạn đường nội bộ, nhà xưởng, khu vực tập kết sản phẩm sơ chế và thành phẩm để thu gom nước mưa chảy tràn tại từng khu vực. Rãnh R2 xây gạch dày 150mm có nắp đan BTCT, mặt trong láng VXM75# dày 2cm, cứ 20m bố trí 01 hố ga, tại vị trí hố ga bố trí khe lún 2 giấy dầu 3 nhựa đường. Chiều dài R2 = 262m.

- + Hố ga có kích thước 1,6 x 1,6m xây bằng gạch dày 220m có nắp đan BTCT

#### 1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải của cơ sở bao gồm nước thải sinh hoạt (từ khu nhà vệ sinh) và nước thải sản xuất

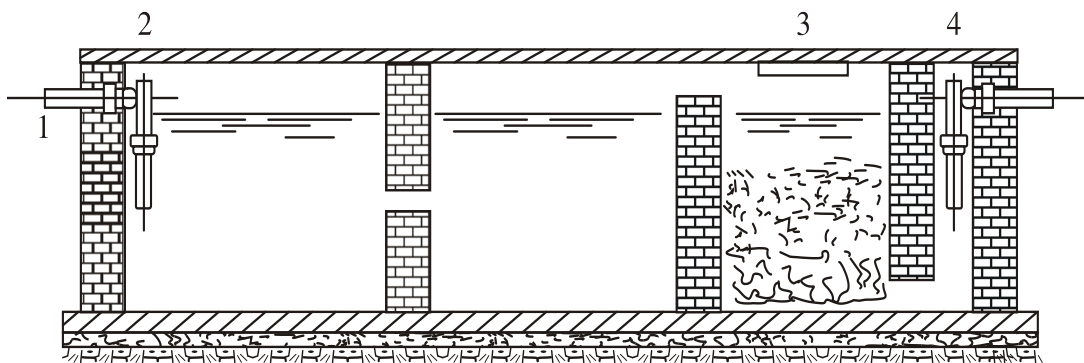


**Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải**

**a. Nước thải sinh hoạt**

Hiện dự án đã có hệ thống thu gom và thoát nước thải sinh hoạt hoàn thiện. Lượng công nhân viên hiện tại khoảng 10 công nhân viên. Do công nhân không lưu trú tại nhà máy nên lượng nước tiêu thụ ít, chỉ khoảng 0,45m<sup>3</sup>/ngày. Dự kiến hoạt động tối đa công suất, lượng cán bộ công nhân viên khoảng 20 người, lượng nước thải tăng lên khoảng 0,45m<sup>3</sup>/ngày đêm (cơ sở sẽ duy trì lượng tổng cán bộ công nhân viên trong khoảng 10-20 người).

Đã tiến hành xây dựng 01 bể tự hoại tương ứng với 02 nhà vệ sinh tại nhà điều hành, 10m<sup>3</sup>. Bể có kết cấu xây gạch, trát vữa xi măng chống thấm, chia 3 ngăn.



**Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại**

**Ghi chú:**

- 1 Ống dẫn nước thải vào bể.
- 2 Ống thông hơi.
- 3 Nắp thăm (để hút cặn).
- 4 Ngăn định lượng xả nước thải đến công trình xử lý tiếp theo.

Bể tự hoại là công trình xử lý sơ bộ có đồng thời làm 2 chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý 65%. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Nước thải ở trong bể đảm

bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

Định kỳ thực hiện việc nạo vét, hút bùn trong các ngăn lắng và định kỳ (3 tháng/lần) bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại. Liều lượng 200g men vi sinh Biophot/1m<sup>3</sup>.

Nước thải từ các nhà vệ sinh được dẫn tới các bể tự hoại bằng đường ống PVC DN43, sau đó nước thải từ các bể tự hoại theo ống PVC DN50 và DN160 tự chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

### **b. Nước thải sản xuất**

Nước cấp cho dây chuyền sản xuất của cơ sở khoảng 3.000m<sup>3</sup>/năm. Khối lượng này được định lượng bằng các thiết bị chuyên dụng do đó dây chuyền sản xuất của nhà máy hầu như không phát sinh nước thải.

Có một phần nước phát sinh từ khu vực trộn nguyên liệu được thu gom vào hố ga 1m<sup>3</sup> và tái sử dụng lại vào dây chuyền sản xuất.

### **2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

Các nguồn phát sinh bụi, khí thải của cơ sở là từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu, từ hoạt động của các phương tiện giao thông. Hoạt động sản xuất của cơ sở không phát sinh bụi khí tại quá trình nhập liệu vào máy trộn và bụi khí thải từ silo chứa xi măng. Tuy nhiên để đảm bảo môi trường không khí làm việc của công nhân luôn đạt quy định cho phép và không ảnh hưởng tới sức khỏe, cơ sở vẫn tiến hành các biện pháp sau:

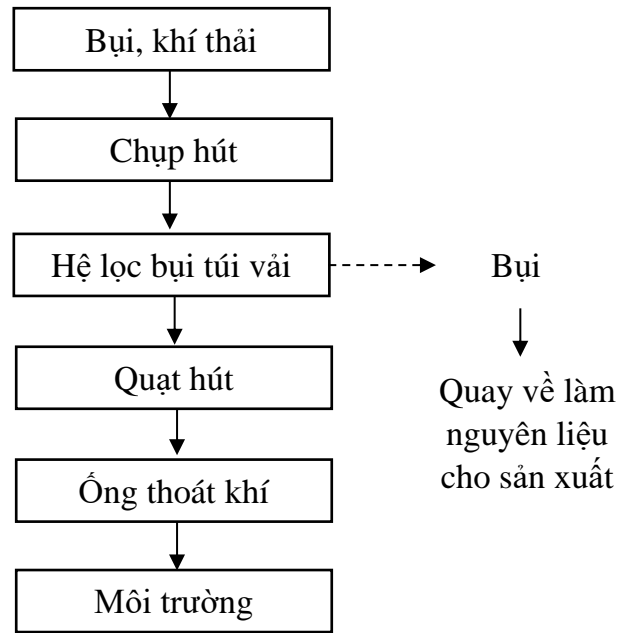
- Bố trí thời gian xe chở nguyên vật liệu ra vào dự án hợp lý. Trang bị bảo hộ cho công nhân bốc xếp hàng hóa như khẩu trang, mũ, ...

- Hằng ngày cử công nhân quét dọn, vệ sinh xưởng sau mỗi ca làm việc. Cử công nhân quét dọn các tuyến đường nội bộ hằng ngày, trong những ngày nắng tiến hành phun nước tưới ẩm sân đường nội bộ.

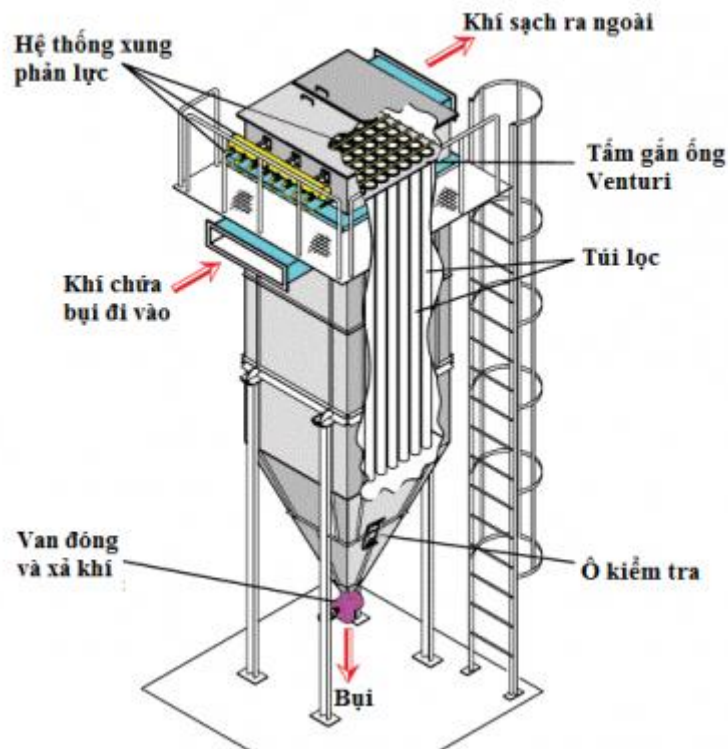
- Thu gom các loại rác thải vận chuyển tới kho chứa, không lưu chứa rác thải tại xưởng.

- Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động như mũ, khẩu trang cho các công nhân làm việc trong xưởng.

Tại silo xi măng đồng bộ lắp đặt thiết bị lọc bụi túi vải để đảm bảo xử lý toàn bộ lượng bụi phát sinh trong quá trình sản xuất:



Hình 3.4. Quy trình xử lý bụi, khí thải từ silo xi măng



Hình 3.5. Cấu tạo hệ thống lọc bụi túi vải

**Thuyết minh hệ thống:**

+ Bụi, khí thải phát sinh được theo chụp hút dẫn đến hệ thống lọc bụi túi vải.

+ Hỗn hợp không khí có lẫn bụi đi qua thiết bị lọc bụi túi vải và phân phối toàn bộ vào các ống hay các túi lọc.

+ Các hạt bụi lớn hơn khe giữa của lọc bụi túi sẽ được giữ lại trên bề mặt vải theo nguyên lý rây.

+ Các hạt bụi nhỏ sẽ bám dính trên bề mặt sợi vải do va chạm các hạt với nhau, dưới tác dụng của lực hút tĩnh điện và lực hấp dẫn. Lớp bụi này sẽ cùng với thành của túi hình thành nên lớp trợ lọc. Hệ thống có khả năng loại được các hạt bụi có kích thước rất nhỏ.

+ Sau một thời gian thì lớp bụi sẽ ngày càng dày hơn dẫn đến trở lực cho toàn bộ hệ thống ngày càng lớn. Công ty sẽ ngưng hoạt động thiết bị và tiến hành loại bỏ bụi bám trên bề mặt bằng khí nén hay bằng cơ học. Quá trình này được gọi là quá trình giữ bụi hay hoàn nguyên khả năng lọc.

+ Bụi thu được từ quá trình lọc bụi túi vải sẽ được quay lại làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất.

+ Khí thải đầu ra đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B).

### **3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường**

#### ***3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt***

- Thành phần: thành phần chủ yếu là giấy vụn, vỏ chai, lon, các loại bao bì, thức ăn thừa, lá cây rau củ, xác động thực vật...

- Khối lượng: Lượng phát sinh rất ít, chỉ khoảng 4kg/ngày trong đó 0,5kg/ngày thuộc đối tượng có thể tái chế được bán cho đơn vị thu gom phế liệu, còn 3,5kg/ngày được thu gom vào các thùng chứa rác 20L đặt tại các vị trí nhà điều hành, xưởng sản xuất, sau đó thuê đơn vị có chức năng là đội vệ sinh môi trường xã Lý Trạch đến thu gom.

- Thiết bị lưu chứa: bố trí 03 thùng rác loại 20-60 lít tại các khu vực phát sinh rác thải như: nhà văn phòng, nhà điều hành, nhà xưởng, ..

### 3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Thành phần và khối lượng: chủ yếu là vữa bê tông phế phẩm phát sinh khoảng 50kg/ngày, được tái sử dụng làm nguyên liệu, san lấp mặt bằng, nâng cấp đường giao thông nội bộ trong khuôn viên cơ sở.

### 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Thành phần, khối lượng: gồm một số loại như bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải.

Khối lượng CTNH phát sinh dự kiến khi hoạt động hết công suất cụ thể như sau:

**Bảng 3.1. Thành phần, khối lượng CTNH phát sinh**

STT	Loại CTNH	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1
3	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	19 06 01	1
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Lỏng	17 02 04	20
<b>Tổng</b>				<b>22</b>

- Kho lưu chứa: Công ty đã xây dựng kho chứa chất thải có diện tích 5m<sup>2</sup> để lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại.

- Thiết bị lưu chứa: Trong kho bố trí 03 thùng nhựa loại 100-120 lít để lưu chứa chất thải nguy hại.

Hiện cơ sở phát sinh lượng CTNH thực tế hầu như không đáng kể, do đó chưa ký hợp đồng với đơn vị thu gom, dự kiến khi lưu chứa đạt khối lượng sẽ tìm đơn vị lấy thu gom theo đợt.

### 5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động sản xuất, chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp như sau:

- Theo dõi, bảo trì máy móc thiết bị sản xuất định kỳ.
- Nền móng đặt máy được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su cho các máy móc như máy móc, kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết.
- Máy móc thiết bị được thiết kế lắp đặt khoảng cách hợp lý.
- Công nhân làm việc tại các nơi gây ồn nhiều được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và bố trí ca, kíp luân phiên hợp lý, giảm thiểu tác động và bảo đảm sức khỏe.

- Cây xanh, thảm cỏ được trồng xung quanh nhà máy, xây tường bao xung quanh nhà máy để giảm tiếng ồn phát tán ra xung quanh.

- Tuyên truyền, giáo dục về mức độ nguy hại của tiếng ồn đến sức khỏe để người lao động nắm được và chấp hành các biện pháp giảm thiểu tác động nhà máy đưa ra và hướng dẫn.

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

### **6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:**

- Thường xuyên giáo dục ý thức và bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

- Treo bảng nội quy và trang bị các bình cứu hỏa tại các vị trí dễ nhìn và thuận lợi, tuân thủ đúng heo sự hướng dẫn của Công an PCCC.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát những vị trí dễ gây cháy nổ như các đầu nối dây điện, cắm hút thuốc trong khu vực sản xuất.

- Tham gia công tác tập huấn, đào tạo phòng cháy và chữa cháy của Công an phòng cháy và chữa cháy tỉnh Hưng Yên.

- Thường xuyên kiểm tra các điều kiện an toàn lao động và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn cho sản xuất, hạn chế tối đa các tai nạn lao động đáng tiếc xảy ra. Phòng chống các sự cố về điện như điện giật, điện rò ra thiết bị gây chết người.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị phòng chống cháy nổ như bình chữa cháy, bể chứa nước Phòng cháy chữa cháy, bao gồm:

### **6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động**

- Kiểm soát các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động: găng tay, giày, ủng, quần áo, khẩu trang cho công nhân.

- Thành lập tổ vệ sinh môi trường và an toàn lao động.

- Tổ chức các lớp huấn luyện về vệ sinh và an toàn lao động.

- Đảm bảo 100% cán bộ, công nhân viên của Công ty thực hiện mua bảo hiểm.

- Thiết lập các bảng hướng dẫn, nội quy vận hành thiết bị, máy móc.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc, nhà xưởng, kho tàng.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố điện.

- Kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị.

### **6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn giao thông**

- Phân luồng giao thông phù hợp, có kế hoạch điều động xe vận tải một cách khoa học nhằm tránh hiện tượng kẹt xe nhất là vào giờ cao điểm;

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của xe nhằm phòng tránh tai nạn giao thông, rò rỉ nhiên liệu và cháy nổ thùng xe;
- Nghiêm cấm vận tải vượt quá tải trọng của xe quy định;
- Nghiêm cấm lái xe hút thuốc, uống rượu khi lái xe và vận tải xăng dầu.
- Thường xuyên tuyên truyền giáo dục lái xe về tuân thủ các quy định an toàn giao thông.

## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Cơ sở đã hoàn thiện hệ thống bể tự hoại ba ngăn xử lý nước thải sinh hoạt sau đó tự thấm vào đất, nước thải sản xuất ít được tuần hoàn tái sử dụng, không thực hiện xả thải ra môi trường nên cơ sở không thuộc đối tượng cần cấp phép đối với nước thải.

#### 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh: Bụi từ sau thiết bị lọc bụi túi vải của silo trộn nguyên liệu
- Lưu lượng xả thải tối đa: 3.000m<sup>3</sup>/h
- Dòng khí thải: 01 dòng sau ống khói thoát khí của hệ thống lọc bụi túi vải
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K<sub>p</sub> = 0,9, K<sub>v</sub> = 0,6), cụ thể như sau:

**Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải**

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200		
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600		

#### **Ghi chú:**

+ QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

$$K_p = 1 \text{ ứng với lưu lượng nguồn thải } \leq 20.000\text{m}^3/\text{h};$$

$$K_v = 1,2 \text{ hệ số vùng khu vực loại 4 (nông thôn).}$$

+ Phương thức xả thải: xả thải liên tục khi hoạt động sản xuất

- Tọa độ vị trí xả thải : 17°31'19.70"N; 106°33'52.06"E

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung. Cụ thể như sau:

**Bảng 4.2. Giá trị giới hạn ô nhiễm của tiếng ồn và độ rung**

+ Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

+ Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

**Chương V**

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải**

Cơ sở không thực hiện quan trắc định kỳ đối với nước thải.

**2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải**

Cơ sở hoạt động không phát chủ yếu phát sinh bụi, để theo dõi tác động của hoạt động sản xuất tới môi trường không khí xung quanh và chất lượng môi trường không khí làm việc của công nhân chủ cơ sở đã thực hiện quan trắc định kỳ.

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ không khí xung quanh và không khí làm việc của cơ sở trong 2 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo như sau:

**Bảng 5.1. Kết quả quan trắc định kỳ môi trường không khí xung quanh**

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả				Quy chuẩn so sánh
			K1	K2	K3	K4	
<b>11/7/2022</b>							
1	Tiếng ồn	<i>dB</i> A	86,1	76,2	63,6	57,6	<b>70<sup>(1)</sup></b>
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	220	210	90	60	<b>300<sup>(2)</sup></b>
3	SO <sub>2</sub>	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<10	<10	14	<10	<b>350<sup>(2)</sup></b>
4	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 3000	< 3000	< 3000	< 3000	<b>30.000<sup>(2)</sup></b>
5	NO <sub>2</sub>	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	12	15	17	<10	<b>200<sup>(2)</sup></b>
<b>15/11/2022</b>							
1	Tiếng ồn	<i>dB</i> A	85,7	74,6	62,7	56,2	<b>70<sup>(1)</sup></b>
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	190	170	70	<50	<b>300<sup>(2)</sup></b>
3	SO <sub>2</sub>	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<10	<10	14	<10	<b>350<sup>(2)</sup></b>
4	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 3000	< 3000	< 3000	< 3000	<b>30.000<sup>(2)</sup></b>
5	NO <sub>2</sub>	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	14	<10	12	<10	<b>200<sup>(2)</sup></b>
<b>12/04/2023</b>							
1	Tiếng ồn	<i>dB</i> A	85,2	76,9	60,8	55,7	<b>70<sup>(1)</sup></b>
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	160	110	60	<50	<b>300<sup>(2)</sup></b>
3	SO <sub>2</sub>	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	14	<10	<10	<10	<b>350<sup>(2)</sup></b>
4	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 3000	< 3000	< 3000	< 3000	<b>30.000<sup>(2)</sup></b>
5	NO <sub>2</sub>	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	14	<10	<10	<10	<b>200<sup>(2)</sup></b>

(Nguồn: Trung tâm kỹ thuật đo lường và thử nghiệm 2022, 2023)

**Ghi chú:**

**- Vị trí quan trắc:**

+ **K1:** Tại dây chuyền sản xuất;

+ **K2:** Tại kho chứa nguyên vật liệu.

+ **K3:** Tại khu vực nhà hành chính;

+ **K4:** Tại khu vực dân cư thôn 8 cách nhà máy 100m về phía đông

**- Quy chuẩn so sánh:**

+ <sup>(1)</sup> **QCVN 26:2010/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ <sup>(2)</sup> **QCVN 05:2013/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ);

+ <sup>(3)</sup> **QCVN 06:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

**Nhận xét:** Kết quả quan trắc các đợt cho thấy tại một số thời điểm sản xuất có độ ồn tương đối cao tuy nhiên đều không vượt 115dBA, khu vực cơ sở hoạt động tương đối thông thoáng và xa dân cư do đó hầu như không ảnh hưởng.

**3. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước dưới đất**

Để đánh giá việc hoạt động sản xuất, sinh hoạt của cơ sở có ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước dưới đất của khu vực, cơ sở đã phối hợp với đơn vị có chức năng là Trung Tâm kỹ thuật đo lường thử nghiệm tiến hành quan trắc chất lượng nước dưới đất khu vực. Kết quả thống kê như sau:

**Bảng 5.2. Kết quả quan trắc định kỳ nước dưới đất**

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09- MT:2015/BTNMT
			NN	
<b>11/7/2022</b>				
1	pH	-	5,7	5,5 – 8,5
2	Độ cứng tổng số	mg/l	25,5	≤ 500
3	Amoni (tính theo N)	mg/l	0,31	≤ 1
4	Fe tổng số	mg/l	0,15	≤ 5,0
5	Coliform	VK/100ml	KPH (<1)	≤ 3
<b>15/11/2022</b>				
1	pH	-	5,6	5,5 – 8,5
2	Độ cứng tổng số	mg/l	23	≤ 500
3	Amoni (tính theo N)	mg/l	0,25	≤ 1
4	Fe tổng số	mg/l	0,1	≤ 5,0
5	Coliform	VK/100ml	KPH (<1)	≤ 3

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09- MT:2015/BTNMT
			NN	
<b>12/04/2023</b>				
1	pH	-	5,7	5,5 – 8,5
2	Độ cứng tổng số	mg/l	20	≤ 500
3	Amoni (tính theo N)	mg/l	0,07	≤ 1
4	Fe tổng số	mg/l	0,14	≤ 5,0
5	Coliform	VK/100ml	KPH (<1)	≤ 3

(Nguồn: Trung tâm kỹ thuật đo lường và thử nghiệm 2022, 2023)

**Nhận xét:** Nguồn nước ngầm của cơ sở các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn do đó hoạt động của cơ sở đến nay không làm ảnh hưởng đến mạch nước ngầm trong khu vực.

## Chương VI

### CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở đã hoạt động từ năm 2017. Trong quá trình hoạt động cơ sở luôn nghiêm túc chấp hành, thực hiện quan trắc môi trường định kỳ môi trường không khí, nước dưới đất 02 lần/năm, kết quả cho thấy môi trường nền của cơ sở vẫn đảm bảo, do đó các nguồn thải phát sinh cơ sở được xử lý đạt quy chuẩn cho phép. Chủ cơ sở kiến nghị không thực hiện nội dung này.

#### 2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ theo quy định của pháp luật)

##### 2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Giám sát nước thải: Không giám sát do không phát sinh chất thải ra môi trường.

- Giám sát bụi, khí thải: Lưu lượng tối đa 3.000m<sup>3</sup>/h.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, hoạt động sản xuất của Công ty thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải công nghiệp định kỳ do thuộc dự án đầu tư, cơ sở có lưu lượng xả khí thải lớn ra môi trường (dưới 50.000m<sup>3</sup>/h).

##### 2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Giám sát nước thải: Không thực hiện.

- Giám sát bụi, khí thải: Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục.

**Chương VII**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**CƠ SỞ**

Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trong 02 năm gần nhất: không có đợt kiểm tra, thanh tra.

## **Chương VIII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Cam kết vận hành hệ thống thu gom, xử lý khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

- Cam kết thu gom, phân loại và thuê đơn vị đủ chức năng để xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH phát sinh, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

- Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đảm bảo tiếng ồn và độ rung đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường: Tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; Độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục thiệt hại do sự cố gây ra.

- Cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất, tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước, UBND tỉnh Quảng Bình.

### **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Phiếu kết quả quan trắc môi trường định kỳ 2 năm gần nhất;
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Hợp đồng thu gom CTRSH, CTCNTT, CTNH;
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC;
- Bản vẽ hoàn công tổng thể mặt bằng, tổng thể thoát nước mưa, nước thải;
- Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải, catalog silo xi măng;